

Biểu 08.1: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường Mầm non Hải Ninh***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	281.520
1	Tổng số thu	281.520
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	281.520
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	112.608
-	60% học phí chi nghiệp vụ	168.912
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 071)	6.203.098
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.115.698
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	5.826.671
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	289.027
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	87.400
	Chi chính sách giáo dục	87.400
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	74.600
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105	12.800

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.

Biểu 08.2: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường Mầm non Hải Châu***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	250.560
1	Tổng số thu	250.560
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	250.560
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	100.224
-	60% học phí chi nghiệp vụ	150.336
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 071)	6.095.141
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.029.341
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	5.767.359
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	261.982
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	65.800
	Chi chính sách giáo dục	65.800
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	0
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	57.000
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105	8.800

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.

Biểu 08.3: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường Mầm non Thanh Sơn***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	228.960
1	Tổng số thu	228.960
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	228.960
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	91.584
-	60% học phí chi nghiệp vụ	137.376
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 071)	4.873.767
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	4.800.157
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	4.583.636
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	216.521
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	73.610
	Chi chính sách giáo dục	73.610
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	9.860
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	55.750
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105	8.000

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.

Biểu 08.4: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường Mầm non Thanh Thủy***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	241.200
1	Tổng số thu	241.200
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	241.200
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	96.480
-	60% học phí chi nghiệp vụ	144.720
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 071)	4.917.582
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	4.853.282
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	4.633.556
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	219.726
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	64.300
	Chi chính sách giáo dục	64.300
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	0
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	57.100
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105	7.200

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.

Biểu 08.5: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường Mầm non Triều Dương***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	149.040
1	Tổng số thu	149.040
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	149.040
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	59.616
-	60% học phí chi nghiệp vụ	89.424
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 071)	4.038.602
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.997.602
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	3.811.589
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	186.013
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	41.000
	Chi chính sách giáo dục	41.000
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	0
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	33.000
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105	8.000

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.

Biểu 08.6: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường Tiểu học Hải Ninh***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	0
1	Tổng số thu	0
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	0
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	0
-	60% học phí chi nghiệp vụ	0
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 072)	14.919.211
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.896.491
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	14.214.473
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	682.018
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	22.720
	Chi chính sách giáo dục	22.720
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	19.720
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	3.000

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.

Biểu 08.7: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường Tiểu học Hải Châu***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	0
1	Tổng số thu	0
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	0
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	0
-	60% học phí chi nghiệp vụ	0
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 072)	11.510.694
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	11.464.504
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	10.959.429
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	505.075
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	46.190
	Chi chính sách giáo dục	46.190
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	39.440
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	6.750

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.

Biểu 08.8: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường Tiểu học Thanh Sơn***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	0
1	Tổng số thu	0
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	0
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	0
-	60% học phí chi nghiệp vụ	0
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 072)	7.644.963
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.632.103
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	7.295.090
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	337.013
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	12.860
	Chi chính sách giáo dục	12.860
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	9.860
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	3.000

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.

Biểu 08.9: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường Tiểu học Thanh Thủy***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	0
1	Tổng số thu	0
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	0
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	0
-	60% học phí chi nghiệp vụ	0
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 072)	6.258.263
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.231.043
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	5.963.247
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	267.796
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	27.220
	Chi chính sách giáo dục	27.220
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	19.720
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	7.500

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.

Biểu 08.10: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Hải Ninh***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	410.850
1	Tổng số thu	410.850
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	410.850
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	164.340
-	60% học phí chi nghiệp vụ	246.510
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 073)	8.998.371
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8.945.306
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	8.549.044
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	396.262
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	53.065
	Chi chính sách giáo dục	53.065
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	39.440
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	13.625

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.

Biểu 08.11: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Hải Châu***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	306.000
1	Tổng số thu	306.000
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	306.000
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	122.400
-	60% học phí chi nghiệp vụ	183.600
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 073)	8.894.034
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8.840.219
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	8.400.729
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	439.490
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	53.815
	Chi chính sách giáo dục	53.815
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	39.440
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	14.375

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.

Biểu 08.12: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Thanh Sơn***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	248.850
1	Tổng số thu	248.850
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	248.850
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	99.540
-	60% học phí chi nghiệp vụ	149.310
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 073)	6.249.336
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.241.211
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	5.950.527
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	290.684
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	8.125
	Chi chính sách giáo dục	8.125
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	8.125

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.

Biểu 08.13: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Thanh Thủy***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	178.200
1	Tổng số thu	178.200
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	178.200
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	71.280
-	60% học phí chi nghiệp vụ	106.920
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 073)	5.385.691
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	5.374.816
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	5.123.668
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	251.148
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	10.875
	Chi chính sách giáo dục	10.875
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	10.875

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.

Biểu 08.14: DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**Đơn vị: Trường TH và THCS Triều Dương***(Kèm theo Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Ngọc Sơn)**Đơn vị tính: nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Tổng số thu, chi học phí	146.250
1	Tổng số thu	146.250
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại đơn vị	146.250
-	40% học phí chi cải cách tiền lương	58.500
-	60% học phí chi nghiệp vụ	87.750
II	Dự toán chi NSNN (Chương 822- ngành 073)	8.482.745
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8.454.400
-	Kinh phí chi chế độ và nghiệp vụ (nguồn 13)	8.078.187
-	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73 (nguồn 18)	376.213
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	28.345
	Chi chính sách giáo dục	28.345
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42	19.720
-	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81	8.625

Ghi chú: Dự toán đã trừ TK 10% chi thường xuyên; chưa trừ 40% học phí dùng CCTL năm 2025 tại đơn vị.